

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 179/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 7 - 2024

V/v “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha

2. Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tr1**, sinh năm: 1983. (có mặt)

Đăng ký thường trú: Ấp 2, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hưng, xã Lý Văn Lâm, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Lê Minh Tr2**, sinh năm: 1981. (vắng mặt)

Đăng ký thường trú: Ấp 2, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã An Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Tr1 trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Minh Tr2 chung sống với nhau vào năm 2003, đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống chị và anh Tr2 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Tr2 không lo làm ăn, tình cảm vợ chồng không còn như trước, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh Tr2.

- Con chung: Có 02 người con chung tên Lê Chí Kh, sinh năm 2004 và Lê Chí Ng, sinh ngày 20/3/2007. Lê Chí Kh đã trưởng thành, chị Tr1 không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng. Chị Tr1 giao Lê Chí Ng cho anh Tr2 trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ lại chị và anh Tr2.

Quá giải quyết vụ án, anh Lê Minh Tr2 trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Tr1 chung sống với nhau năm 2003, đến nay không đăng ký kết hôn. Anh và chị Tr1 không có nhiều mâu thuẫn nhưng chị Tr1 cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn.

- Con chung: Có 02 người con chung tên Lê Chí Kh, sinh năm 2004, đã trưởng thành; Lê Chí Ng, sinh ngày 20/3/2007, đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh Tr2 nhận nuôi dưỡng Lê Chí Ng, không yêu cầu chị Tr1 cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ lại anh và chị Tr1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Tr1 và anh Lê Minh Tr2 chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Nay chị Tr1 xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh Tr2 cư trú tại thành phố Cà Mau nên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý giải quyết. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Lê Minh Tr2 đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Tr2 vẫn vắng mặt. Do đó hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tr2 theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr1 và anh Lê Minh Tr2 đều xác định chị và anh không đăng ký kết hôn. Do quan hệ hôn nhân của chị Tr1 và anh Tr2 vi phạm về việc đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình nên không có giá trị pháp lý, không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Chị Tr1 và anh Tr2 xác định chị và anh có 02 người con chung tên Lê Chí Kh, sinh năm 2004, đã trưởng thành; Lê Chí Ng, sinh ngày 20/3/2007, đang sống chung với anh Tr2. Chị Tr1 giao Lê Chí Ng cho anh Tr2 trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tr1 không cấp dưỡng nuôi con. Anh Tr2 nhận nuôi dưỡng Lê Chí Ng, không yêu cầu chị Tr1 cấp dưỡng. Do đó có căn cứ giao cháu Ng cho anh Tr2 nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng. Chị Tr1 không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Tr1 và anh Tr2 xác định không có. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Tr1 và anh Tr2 xác định không nợ ai, không ai nợ lại anh, chị. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Tr1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ khoản 7 Điều 28, các Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tr1 và anh Lê Minh Tr2.

2 - Về con chung: Giao cháu Lê Chí Ng, sinh ngày 20/3/2007 cho anh Lê Minh Tr2 trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng. Chị Tr1 không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có. Không ai yêu cầu nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Tr1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 16/5/2024 chị Tr1 đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0008648) được đối trừ chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Tường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân